

KẾ HOẠCH

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên đến năm 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU, CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH

1. Tình hình triển khai thực hiện Đề án

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; để tổ chức triển khai, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách toàn diện, bền vững theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, làm cơ sở tổ chức triển khai trên địa bàn toàn tỉnh, đến nay đã thu được một số kết quả, cụ thể:

- Tính đến tháng 6/2018, Tỉnh đã thu hút được 15 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; tổ chức xây dựng và xác nhận 11 chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm nghiệp an toàn. Phê duyệt 02 dự án cánh đồng lớn và chỉ đạo hỗ trợ tổ chức sản xuất lúa cho kết quả tốt. Chỉ đạo hỗ trợ cấp chỉ dẫn địa lý và mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 của Công ty TNHH thực phẩm Safe Green với diện tích 15 ha tại xã Thanh An, huyện Điện Biên và cấp đăng ký mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm Cà phê của Công ty cà phê Đại Bách Mường Ảng, gạo Bắc thơm số 7 của HTX dịch vụ tổng hợp Thanh Yên. Sản xuất nông nghiệp đã từng bước theo hướng phát triển các Hợp tác xã và phát triển kinh tế trang trại. Tính đến hết năm 2017, đã có 16 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Đã và đang hình thành một số trang trại trồng cây ăn quả, rau, chăn nuôi tổng hợp, quy mô tương đối lớn theo chuỗi thực phẩm an toàn, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua việc mở cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm (xã Thanh Yên, huyện Điện Biên). Thực hiện chuyển đổi diện tích đất lúa, rau màu sang cây trồng khác đến năm 2017 là 608,17 ha.

- Việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã hình thành và tạo chuyển biến tích cực trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, từng bước phát huy thế mạnh, lợi thế của từng địa phương gắn với nhu cầu thị trường; nhiều hộ gia đình đã chú trọng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần từng bước khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng sản phẩm tạo giá trị hàng hóa, tăng thu nhập trên địa bàn tỉnh và xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế: Nội dung, nhiệm vụ tái cơ cấu của từng lĩnh vực chưa thực

sự cụ thể, trọng tâm; công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt việc triển khai thực hiện Đề án còn hạn chế, chưa thường xuyên, hình thức tuyên truyền còn đơn điệu; chưa xác định được các sản phẩm chủ lực gắn với lợi thế vùng, địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang phát triển những cây trồng có giá trị cao, thị trường tiêu thụ ổn định còn chậm. Thực hiện sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn còn ít, chậm và gặp nhiều vướng mắc trong khâu đất đai. Việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của ngành.

2. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020;

- Các văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 về Kế hoạch phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020; số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 về Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020;

- Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên đến năm 2020, với các nội dung cụ thể như sau:

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển, khai thác lợi thế, thế mạnh của từng địa phương (cây, con) để phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách bền vững nhằm nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; góp phần cải thiện đời sống của người dân, giảm nghèo bền vững và bảo vệ môi trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân 3,7%/năm.
- Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản bình quân đạt từ 6%/năm.
- Phần đầu tỷ lệ qua đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đạt 34,3%.
- Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 82%.

- Số xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 37 xã/116 xã (năm 2018: 6 xã, năm 2019: 8 xã, năm 2020: 7 xã); 01 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

- Mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới phần đầu xây dựng có 02 thôn, (bản) “nông thôn mới kiểu mẫu” và có ít nhất 01 sản phẩm OCOP trở lên.

- Phần đầu mời gọi, thu hút được từ 3 đến 5 doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất, chế biến, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Phần đầu đến năm 2020 triển khai thực hiện hiệu quả 38 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; trong đó bình quân mỗi năm tăng thêm từ 1-2 chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản an toàn được xác nhận.

- Phần đầu nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 lên 42%.

Ngoài các mục tiêu trên, phần đầu đến năm 2020 các chỉ tiêu trong các lĩnh vực nông nghiệp đạt chỉ tiêu chung theo Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung, nhiệm vụ cơ cấu lại các lĩnh vực đến năm 2020

Tiếp tục rà soát quy hoạch các lĩnh vực để bố trí, điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho phù hợp, trong đó tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, lợi thế của địa phương và đầu tư theo hướng tập trung, sản xuất hàng hóa có liên kết chuỗi gắn với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Nội dung, nhiệm vụ cụ thể các lĩnh vực như sau:

2.1. Trồng trọt

- Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn theo chuỗi giá trị như: Lúa chất lượng cao, cà phê, chè, mắc ca và rau, quả an toàn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa nương, đất ruộng 1 vụ, cây màu hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn gia súc, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả có giá trị cao giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Kế hoạch số 2203/KH-UBND ngày 07/8/2017 về triển khai thực hiện cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2021, định hướng đến năm 2026.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao; ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh. Chú trọng các khâu công nghệ sau thu hoạch, chế biến.

- Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt đến năm 2020 đạt 3%/năm; tốc độ tăng thu nhập trên 01 ha đất trồng trọt là 4%/năm.

Cơ cấu lại một số cây trồng chính như sau:

a) *Cây lúa*: Khai thác hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa nước; đến năm 2020 diện tích gieo trồng lúa nước đạt 27.750 ha, năng suất lúa bình quân đạt 53,5 tạ/ha, sản lượng 148.446,5 tấn. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa như: SRI, 3 giảm 3 tăng, hiệu ứng hàng biên, sản xuất theo hướng hữu cơ, VietGAP, quản lý dịch hại tổng hợp IPM,... Trong đó:

Tập trung xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao (IR64, BT7, Hương Việt 3,...) gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm với quy mô 2.500 ha tại các huyện: Điện Biên (1.800 ha), Tuần Giáo (250 ha), Mường Ảng (250 ha) và thành phố Điện Biên Phủ (200 ha).

b) *Cây Ngô*: Duy trì diện tích đất trồng ngô, tăng diện tích trồng ngô trên đất ruộng 01 vụ, diện tích ngô gieo trồng hàng năm đạt 30.000 ha; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất để nâng cao năng suất ngô bình quân đạt 35-40 tạ/ha, sản lượng 85.000 tấn vào năm 2020. Trong đó:

Phát triển vùng sản xuất ngô hàng hóa bền vững ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới (giống ngô mới; trồng ngô mật độ cao, trồng thâm canh, trồng xen ngô với đậu tương...) gắn với tiêu thụ; diện tích khoảng 9.000 ha trên địa bàn các huyện: Điện Biên (1.500 ha), Tuần Giáo (3.000 ha), Tủa Chùa (2.000 ha), Điện Biên Đông (2.500 ha).

c) *Cây chè*: Duy trì, chăm sóc tốt số lượng chè cây cao hiện có, nâng cao chất lượng chế biến, xây dựng thương hiệu phát triển sản phẩm chè cây cao Tủa Chùa. Nghiên cứu tổ chức lại sản xuất vùng chè cây thấp tại Tủa Chùa từ giống, phát triển vùng nguyên liệu (600 ha) theo hướng hữu cơ gắn với chế biến hiện đại, đáp ứng yêu cầu thị trường.

d) *Cà phê*: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm thâm canh, khai thác hiệu quả diện tích cà phê hiện có tại huyện Mường Ảng và Tuần Giáo để nâng cao năng suất, chất lượng; đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng cà phê đảm bảo yêu cầu về mẫu mã, tạo dựng thương hiệu. Dự kiến đến năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 5.000 ha, sản lượng cà phê nhân đạt 11.000 tấn. Trong đó:

Xây dựng vùng sản xuất cà phê liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân theo tiêu chuẩn VietGap, UTZ, hữu cơ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại huyện Mường Ảng, Tuần Giáo với quy mô 2.000 ha trở lên.

e) *Cây ăn quả*: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ diện tích 2.310,1 ha cây ăn quả hiện có. Tập trung phát triển một loại số cây ăn quả có diện tích lớn, có thể trở thành hàng hóa theo hướng liên kết tiêu thụ gắn với chuỗi thực phẩm an toàn.

- Nhân ghép: Đến năm 2020, diện tích nhân ghép tại huyện Điện Biên và Thành phố Điện Biên Phủ khoảng 500 ha. Trên cơ sở ghép cải tạo vườn nhân cũ, già cỗi để nâng cao năng suất, chất lượng và dải vụ thu hoạch nhân (nhân chín muộn).

- Dừa: Đến năm 2020, phát triển diện tích Dừa tại huyện Mường Chà và Tuần Giáo khoảng 300-400 ha (Tuần Giáo 80 ha; Mường Chà 220-320 ha) gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ; nghiên cứu quy trình giải vụ trong năm.

- Cây có múi (Bưởi da xanh, cam,...): Mở rộng diện tích cây có múi như bưởi, cam ở huyện Điện Biên (100 ha), Mường Ảng (300 ha), Tuần Giáo (100 ha) tạo vùng sản xuất tập trung, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Ngoài ra, thực hiện lựa chọn, phát triển một số loại cây ăn quả khác phù hợp với điều kiện khí hậu theo mô hình trang trại, sử dụng giống mới có năng suất, đầu tư thâm canh theo hướng hữu cơ như: Bơ, xoài, mít, ổi... ở huyện Điện Biên, Mường Ảng; vú sữa, thanh long ở huyện Điện Biên,... theo mô hình “mỗi xã một sản phẩm”.

- Xây dựng phương án liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả tại huyện Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên,... với nhà máy chế biến hoa quả trên địa bàn tỉnh Sơn La.

f) Cây rau: Đây mạnh sản xuất rau trái vụ, xây dựng các vùng rau chuyên canh, rau an toàn theo hướng liên kết sản xuất với thị trường tiêu thụ. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 05 ha sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao và 300 ha sản xuất rau an toàn tại huyện Điện Biên, huyện Tuần Giáo và thành phố Điện Biên Phủ.

2.2. Chăn nuôi

- Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi, chi hội, tổ hội nghề nghiệp chăn nuôi; chăn nuôi tập trung, sử dụng có hiệu quả đất đai, nguồn thức ăn, kiểm soát tốt dịch bệnh, an toàn thực phẩm sau giết mổ; tổ chức, củng cố lại chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững; bảo tồn, phát triển các giống vật nuôi bản địa, tạo ra các sản phẩm đặc sản có chất lượng, giá trị hàng hóa cao; tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh; khuyến khích loại hình sản xuất chăn nuôi theo chuỗi khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị. Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 29/5/2017.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi đạt 5%; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất chăn nuôi đạt 5%. Cơ cấu lại một số vật nuôi chủ yếu sau:

a) Chăn nuôi trâu: Đến năm 2020, tổng đàn trâu đạt 130.000 con, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 2.200 tấn/năm; phát triển chăn nuôi trâu tập trung ở các huyện có tiềm năng, lợi thế: Điện Biên, Tuần Giáo, Nậm Pồ, Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Mường Chà, Mường Nhé gắn với an toàn kiểm soát dịch bệnh kết hợp trồng cỏ và chế biến thức ăn thô xanh hướng tới liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, kết nối với thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

Tập trung cải tạo nâng cao chất lượng, số lượng đàn trâu nội thông qua thực hiện bình tuyển, chọn lọc, nhân thuần và đầu tư giống từ nơi khác; thực hiện luân chuyển trâu đực giống giữa các vùng chăn nuôi để tránh hiện tượng cận huyết.

b) Chăn nuôi bò: Đây là sản phẩm phát triển có lợi thế nhất cho chăn nuôi nông hộ, gia trại, trang trại trên địa bàn tỉnh hiện nay, đến năm 2020 quy mô phát triển đàn bò khoảng 72.500 con, trong đó bò lai chiếm khoảng 20% tổng đàn (14.500 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 2.100 tấn/năm. Tập trung phát triển chăn nuôi bò

thịt theo hình thức gia trại, trang trại gắn với phát triển trồng cỏ để đảm bảo nguồn thức ăn tại các huyện: Điện Biên Đông, Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng, Mường Nhé, Nậm Pồ,... gắn liên kết với doanh nghiệp, tư thương thu mua, giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, tiêu thụ ở các chợ, siêu thị, hoặc ngoài tỉnh, nhất là thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh,...

Đẩy mạnh phát triển bò lai bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, tại các địa bàn vùng cao dùng bò đực F2 cho phối trực tiếp để tạo ra con giống có năng suất, sản lượng cao, sử dụng bò cái nền 50% máu ngoại để làm cái nền sinh sản nhằm nâng cao thể vóc, chất lượng thịt.

c) *Chăn nuôi dê*: Là đối tượng có tiềm năng, lợi thế để phát triển. Hướng tái cơ cấu, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, trong đó tập trung phát triển chăn nuôi dê theo hướng trang trại kết hợp nuôi nhốt và bán chăn thả. Đến năm 2020, tổng đàn dê có khoảng 97.000 con; tập trung tại các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Nậm Pồ,...

Ngoài phát triển các giống dê địa phương (dê cỏ), dê bách thảo, cần khuyến khích người chăn nuôi đưa các giống mới có nguồn gốc tốt để lai tạo, cải tạo nâng cao chất lượng; xây dựng các chuỗi liên kết giữa người chăn nuôi với các cơ sở, doanh nghiệp để thu mua, bao tiêu sản phẩm cho người dân.

d) *Chăn nuôi lợn*: Đến năm 2020, tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh có khoảng 443.176 con, sản lượng thịt hơi 13.335 tấn/năm; kế hoạch thực hiện phát triển chăn nuôi lợn theo các hướng:

- Phát triển đàn lợn theo hướng nạc, sử dụng các giống lợn ngoại (cao sản) và lợn nái lai F1 tại các huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng và một số xã của huyện Mường Chà, thành phố Điện Biên Phủ, chăn nuôi lợn an toàn sinh học, quy mô trang trại công nghiệp, ứng dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến vào chăn nuôi lợn nhằm đáp ứng nhu cầu nội tỉnh, hạn chế nhập lợn từ các tỉnh khác. Khuyến khích các doanh nghiệp, người chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành tốt VietGAHP trong chăn nuôi lợn. Phần đầu đến năm 2020, có khoảng 2-3% số lượng lợn (11.080 con) chăn nuôi theo quy trình VietGap.

- Phát triển đàn lợn theo hướng đặc sản, sử dụng các giống lợn đen địa phương, lợn rừng lai tại các huyện Tủa Chùa, Điện Biên Đông, Mường Chà và một số xã vùng cao thuộc huyện Điện Biên, Tuần Giáo... chăn nuôi theo phương thức bán công nghiệp gắn với chăn nuôi truyền thống và chăn nuôi hữu cơ, tận dụng các nguồn thức ăn sẵn có trong sản xuất nông nghiệp để giảm chi phí đầu vào, cung cấp sản phẩm thịt chất lượng cho các thị trường như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh,...

e) *Chăn nuôi gia cầm*: Tổng đàn gia cầm đến năm 2020 có khoảng 4.500.000 con, sản lượng thịt gia cầm ước đạt 4.300 tấn. Phần đầu từ 2-3% số lượng gia cầm chăn nuôi theo quy trình VietGap.

Tập trung phát triển các giống gia cầm bản địa theo chuỗi liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ như: Gà địa phương tại các huyện Tủa Chùa, Điện Biên Đông; vịt bầu Nà Tấu, huyện Điện Biên.

2.3. Thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng giống, năng suất và chất lượng sản phẩm các đối tượng nuôi, đa dạng đối tượng và hình thức nuôi để khai thác cơ hội thị trường; hình thành các liên kết trong nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.300 ha, sản lượng thủy sản đạt 3.100 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 2.800 tấn, sản lượng khai thác 300 tấn.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản đạt 6%; tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất thủy sản 5%. Cơ cấu lại một số loài thủy sản chủ yếu như sau:

a) *Cá rô phi đơn tính*: Xác định là đối tượng nuôi có tiềm năng, đẩy mạnh phát triển nuôi thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đến năm 2020, diện tích nuôi cá rô phi đạt trên 30% diện tích thủy sản, sản lượng đạt 1.015 tấn theo hình thức nuôi ao, nuôi lồng bè trên các hồ chứa thủy lợi, thủy điện tại các huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng, Tủa Chùa, thị xã Mường Lay và thành phố Điện Biên Phủ,...

b) *Các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, các loài thủy sản bản địa*: Đầu tư phát triển nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Cá lăng chám, cá chiên ở khu vực lòng chảo Điện Biên và khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La; phát triển nuôi các loài cá nước lạnh (cá Tầm, cá Hồi) trong bể, lồng tại huyện Tuần Giáo, Tủa Chùa, Điện Biên, thị xã Mường Lay,...

c) *Bảo tồn và Phát triển nguồn lợi thủy sản*: Xây dựng kế hoạch khai thác thủy sản hợp lý gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhằm đảm bảo được sự bền vững của nguồn lợi thủy sản. Hằng năm phối hợp với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Điện Biên thực hiện thả bổ sung giống thủy sản tái tạo nguồn lợi thủy sản, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư tại vùng lòng hồ thủy điện Sơn La và các thủy vực, ven sông, suối lớn thuộc các huyện Điện Biên, Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, thị xã Mường Lay,.... Với số lượng khoảng 300.000 cá giống các loại/năm.

2.4. Lâm nghiệp

Tập trung triển khai chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững theo hướng bảo vệ và sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm đến 2020, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên. Triển khai giao đất lâm nghiệp chưa có rừng để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hưởng các chính sách hỗ trợ phát triển rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thiện cấm mố rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tập trung khoanh nuôi tái sinh rừng, các huyện ưu tiên triển khai thực hiện là: Nậm Pồ, Mường Nhé, Mường Chà, Điện Biên, Tuần Giáo (diện tích đất lâm nghiệp có cây gỗ tái sinh theo kết quả kiểm kê rừng của tỉnh lớn).

- Cây Mắc ca: Quản lý chặt chẽ chất lượng cây giống; trên cơ sở đánh giá hiệu quả đối với những diện tích Mắc ca đã trồng để chỉ đạo phát triển cây Mắc ca tại các huyện: Tuần Giáo, Nậm Pồ, Mường Nhé, Điện Biên theo hướng liên kết doanh nghiệp đầu tư theo chuỗi khép kín từ giống, sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ, với quy mô từ 15.000 ha trở lên.

- Phát triển diện tích trồng lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị và tiềm năng đầu ra của sản phẩm để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân vùng rừng như:

+ Sơn tra (Táo mèo): Phát triển diện tích trồng cây Sơn tra lên 450-500 ha, trong đó: Tuần Giáo: 250-300 ha; Tủa Chùa: 100 ha; Điện Biên Đông: 100 ha (năm 2017, Tuần Giáo: 171 ha, Tủa Chùa khoảng 50 ha, Điện Biên Đông 40-50 ha) để tạo vùng nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở chế biến rượu và các sản phẩm từ cây Sơn tra.

+ Sa nhân: Phát triển diện tích trồng Sa nhân dưới tán rừng đến năm 2020 lên 250 ha (năm 2017 là 165 ha).

+ Cọ khiết: Phát triển diện tích trồng nuôi thả cánh kiến đến năm 2020 lên 50 ha tại xã Sa Lông, Huổi Lèng, huyện Mường Chà (năm 2017: 20 ha).

Ngoài ra, thực hiện lựa chọn, phát triển một số loại cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu khác phù hợp với điều kiện khí hậu theo mô hình “mỗi xã một sản phẩm” như: Thảo quả, Mạy chá, Xạ đen, Đẳng sâm, Mắc khén, cây Bảy lá một hoa, Bương lông, Mạy bó, ... Các huyện ưu tiên triển khai thực hiện: Điện Biên, Mường Ảng, Tuần Giáo, Mường Nhé, Mường Chà, Tủa Chùa.

- Xác định vùng quy hoạch trồng rừng sản xuất tập trung, quy mô lớn để thu hút các doanh nghiệp đầu tư trồng rừng tạo vùng nguyên liệu và phát triển chế biến gỗ: Mường Ảng, Tuần Giáo. Triển khai trồng các loại cây gỗ lớn có giá trị theo phương thức hỗn giao trong cơ cấu cây trồng rừng phòng hộ, sản xuất: Giổi xanh (giổi ăn hạt), Giổi găng, Lát hoa, Đinh đỏ, ...

2.5. Công nghiệp bảo quản, chế biến và làng nghề

- Phát triển mạnh mẽ công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, tinh các sản phẩm thế mạnh như: Lúa, gạo, cà phê, chè, sản phẩm dứa (Mường Chà, Tuần Giáo), quả sơn tra (Tuần Giáo), thịt trâu, bò khô, cá sấy khô, ... giảm xuất bán sản phẩm chưa qua chế biến, sản phẩm thô.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (dịch vụ tư vấn, cung ứng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, các quỹ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, ...); tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng và phát triển chương trình “Mỗi xã, cụm xã một sản phẩm”; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống. Trên cơ sở quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt tại 947/QĐ-UBND ngày 09/12/2014, thực hiện tốt công tác khuyến công, hỗ trợ phát triển các ngành nghề nông thôn để tạo điều kiện phát triển các nghề truyền thống gắn với du lịch như: Dệt thổ cẩm, Mạy tre đan, Thêu ren... Hỗ trợ và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn của Chính phủ. Phần đầu đến năm 2020, thực hiện cấp bằng công nhận cho 12 nghề, làng nghề; tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông lâm thủy sản trung bình hàng năm từ 4%/năm trở lên.

2.6. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Đầu tư hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có từ công trình đầu mối đến hệ thống cơ sở nội đồng, kết hợp với củng cố các tổ chức quản lý khai thác các công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả khai thác. Cơ cấu lại đầu tư phát triển các công trình thủy lợi theo hướng:

+ Cải tạo, nâng cấp sửa chữa 28 công trình, đảm bảo nước tưới chủ động cho: 3.853 ha vụ chiêm, 3.995 ha vụ mùa.

+ Xây dựng mới 69 công trình, đảm bảo nước tưới ổn định cho: 478 ha vụ chiêm; 716 ha vụ mùa và 503 ha cây công nghiệp.

+ Tạo nguồn tưới chủ động cho việc xây dựng vùng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao sản xuất cà phê, bưởi, cam huyện Mường Ảng, Tuần Giáo với diện tích 1.000 ha; rau an toàn tại thành phố Điện Biên Phủ, Điện Biên, Tuần Giáo với diện tích 300 ha.

+ Triển khai Quy hoạch phòng chống lũ thông qua xây dựng các tuyến kè bảo vệ cho lưu vực sông Đà và vùng thung lũng lòng chảo Điện Biên (lưu vực sông Mê Kông) để bảo vệ khu dân sinh và cơ sở hạ tầng.

- Hoàn thiện bộ máy phòng chống thiên tai từ tỉnh đến xã; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo nguy cơ và phòng chống thiên tai. Đào tạo, tập huấn nâng cao hiệu quả cho cán bộ, người dân để tăng hiệu quả phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức huy động và quản lý hoạt động hiệu quả Quỹ Phòng chống thiên tai; tăng cường ứng dụng dự báo tự động khí tượng thủy văn để nắm, cảnh báo lũ, đảm bảo an toàn hồ đập.

2.7. Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại nông nghiệp

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung nguồn lực, ưu tiên triển khai đối với các xã cơ bản đạt tiêu chí để hoàn thành mục tiêu các xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2020. Đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp xây dựng nông thôn mới; thực hiện nhất quán và triệt để phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn theo nguyên tắc dân chủ và tự nguyện quyết định kế hoạch, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ở từng thôn, bản, khu dân cư.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế hợp tác; thực hiện rà soát, đánh giá hoạt động của các Hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ, khuyến khích nhân rộng các hợp tác xã sản xuất hiệu quả. Phát triển, tạo lập các chuỗi liên kết sản xuất mới; tiếp tục chỉ đạo các chuỗi liên kết đã và đang hình thành đi vào chiều sâu, phát triển bền vững. Phần đầu thành lập mới đảm bảo số lượng Hợp tác xã nông nghiệp theo mục tiêu tại Quyết định số 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; tư vấn hỗ trợ, chuyển đổi, đăng ký lại các Hợp tác xã theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Kết hợp chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của từng vùng, từng địa phương. Khuyến khích xây dựng, phát triển thương hiệu,

xúc tiến, quảng bá sản phẩm. Triển khai thực hiện hiệu quả các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng hoàn thiện và phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

2.8. Sắp xếp ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg

Tập trung triển khai Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ/UBND ngày 23/7/2015. Trong đó chú trọng, tăng cường tổ chức triển khai thực hiện các dự án bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất cho nhân dân khi chuyển đến nơi ở mới; thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất cho các hộ dân nhằm tạo điều kiện cho nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn sớm ổn định đời sống và phát triển bền vững.

2.9. Tái cơ cấu theo vùng trọng điểm

Thực hiện hướng tiếp cận, cơ cấu lại ngành, lĩnh vực theo vùng trọng điểm gắn với sản phẩm lợi thế và liên kết vùng. Cụ thể:

- Vùng Tuần Giáo, Mường Ảng: Tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc (bò), trồng lúa, ngô, Mắc ca, Cà phê, cây ăn quả, trồng rừng sản xuất, Sơn tra, dược liệu.

- Vùng Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà: Chăn nuôi trâu, trồng rừng phòng hộ, trồng Mắc ca, phát triển dược liệu, nuôi ong.

- Vùng Điện Biên, thành phố Điện Biên Phủ: Phát triển lúa chất lượng cao, cây ăn quả, trồng Mắc ca (Điện Biên), rau an toàn, lợn, gia cầm, bò sữa.

- Vùng Tủa Chùa: Chè, dược liệu, gà, lợn địa phương, dê, cá rô phi, cá lăng, Sơn tra.

- Vùng Mường Lay: Phát triển nuôi trồng thủy sản, cây ăn quả.

- Vùng Điện Biên Đông: Chăn nuôi trâu, bò, trồng rừng phòng hộ, dược liệu.

Tùy vào điều kiện thực tế, hàng năm UBND các huyện, thị xã, thành phố bổ sung danh mục các sản phẩm lợi thế, thế mạnh của địa phương gắn với xây dựng kế hoạch, đề xuất các giải pháp để tổ chức phát triển sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa.

3. Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) hỗ trợ, đầu tư cho các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh giai đoạn 2018-2020.

- Nguồn vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tự huy động, nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư; vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ trong nước và quốc tế (ODA); vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, các nguồn vốn lồng ghép Trung ương và địa phương khác,...

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các Sở, ngành, địa phương và người dân trong tỉnh về xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu hướng tới hàng hóa; Chương trình xây dựng nông thôn mới, OCOP,... Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Kết hợp với công tác truyền thông, đào tạo tập huấn các chương trình, dự án có liên quan trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; lồng ghép phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh đến năm 2020.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông của Tỉnh thường xuyên tổ chức đưa tin về quá trình tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch, trong đó cần tập trung tuyên truyền phổ biến, đưa tin về các mô hình, điển hình trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Tích cực mời gọi, thu hút các doanh nghiệp chung sức xây dựng nông thôn mới bằng hình thức liên kết xây dựng cánh đồng lớn, hỗ trợ cho nông dân và đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia.

2. Rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch, đề án các lĩnh vực cho phù hợp với cơ cấu lại ngành nông nghiệp

- Khẩn trương phê duyệt quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quản lý chặt chẽ và tổ chức thực hiện theo quy hoạch 3 loại rừng.

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, thủy sản của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025,... cho phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh Kế hoạch số 2203/KH-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017- 2021, định hướng đến năm 2026; Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh về Kế hoạch xây dựng và phát triển các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2020.

- Xây dựng hoàn thiện và phê duyệt Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), làm cơ sở triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh về nội dung, quy mô của các Đề án, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực và cơ cấu sản xuất phù hợp với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường.

3. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả các chính sách hiện có của Trung ương và của tỉnh về hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; định kỳ rà soát, đánh giá, đề

xuất điều chỉnh, bổ sung, tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của từng địa phương. Trong đó, tập trung tuyên truyền, triển khai các chính sách, cơ chế trong thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ,...

- Khẩn trương hoàn thiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tiếp cận đất đai, vốn, khoa học công nghệ, ... để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực Ngành theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo ở các đơn vị, các cấp để tinh gọn bộ máy, đảm bảo hoạt động hiệu quả và có mối liên hệ tốt giữa ngành Nông nghiệp và các huyện; tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch số 2054/KH-UBND ngày 31/7/2018 và Kế hoạch số 2235/KH-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về thực hiện Nghị quyết số 15, số 16 của Tỉnh ủy.

- Tiếp tục thực hiện tốt cải cách hành chính, tạo điều kiện cho các cơ sở, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu đáp ứng có hiệu quả sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và cung cấp các dịch vụ công, tạo thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân trong quá trình quan hệ, giao dịch với cơ quan nhà nước. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí hành chính, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp ngành nông nghiệp; cùng với tăng cường năng lực cho các đơn vị sự nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

5. Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

- Tổ chức rà soát, đánh giá các mô hình tổ chức sản xuất hiện có. Trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá và điều chỉnh các mô hình tổ chức sản xuất cho phù hợp, hiệu quả, làm cơ sở nhân rộng. Thực hiện tốt liên kết giữa 4 nhà, 5 nhà, 6 nhà trong sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông sản. Tăng cường tập huấn, nâng cao khả năng quản lý, quản trị trong thực hiện đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản để tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí phát sinh, từ đó tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Nghiên cứu, áp dụng các hình thức tổ chức sản xuất mới có hiệu quả, mô hình sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chuyên đổi mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn. Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1433/QĐ-UBND

ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020; theo đó đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể, đưa kinh tế tập thể trở thành thành phần kinh tế có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện bộ mặt nông thôn.

- Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng đảm bảo để kết nối người sản xuất với người kinh doanh. Tăng cường chỉ đạo các chuỗi liên kết đã và đang hình thành đi vào chiều sâu, phát triển bền vững; tiếp tục phát triển các chuỗi mới phù hợp với lợi thế, tiềm năng của địa phương (trung bình 1-2 chuỗi liên kết thực phẩm an toàn được xác nhận/năm). Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm thế mạnh, lợi thế của địa phương; nâng cao năng lực dự báo cung cầu nông sản, khuyến cáo các doanh nghiệp, người dân điều chỉnh phương án sản xuất phù hợp với nhu cầu của thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; phát triển chuỗi cửa hàng nông sản an toàn trên địa bàn toàn tỉnh và mở rộng thị trường nông sản ra các tỉnh lân cận và thành phố Hà Nội,...

- Thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường để khuyến cáo các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân điều chỉnh phương án sản xuất cho phù hợp với nhu cầu thị trường; quan tâm đến chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản thế mạnh của Tỉnh, nâng cao sức cạnh tranh; xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc hàng nông sản; xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối; kết nối thị trường trong tỉnh với thị trường trong nước và quốc tế.

6. Giải pháp về kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để mọi người dân, doanh nghiệp ở nông thôn đều nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Nhà nước và các quy định của tổ chức tín dụng về cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; lợi ích của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện cải cách mạnh mẽ hơn nữa về các thủ tục hành chính trong thực hiện chính sách khuyến khích, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo cả 3 hướng: Tiếp tục giảm các thủ tục hành chính, giảm chi phí thực hiện và giảm thời gian thực hiện. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 532/CTr-UBND ngày 02/3/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 5/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư về các lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; chăn nuôi tập trung, cơ sở chế biến nông, lâm sản,...).

- Quy hoạch, chuyển đổi đất để tạo quỹ đất sản xuất nông nghiệp tập trung, cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn thuê lại theo quy định của pháp luật để thực

hiện các dự án nông nghiệp quy mô lớn theo chuỗi liên kết từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện các thủ tục cấp phép dự án đầu tư cho doanh nghiệp nông nghiệp. Đối với các sản phẩm đã có nguyên liệu (chè, cà phê) thì một mặt tiếp tục phát triển sản xuất để tạo vùng nguyên liệu, mặt khác tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm, kêu gọi các nhà đầu tư tiềm năng để liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho sản phẩm. Chính quyền địa phương phải đóng vai trò trung tâm trong việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia liên kết sản xuất nông nghiệp với doanh nghiệp.

- Các lĩnh vực lợi thế, tiềm năng kêu gọi thu hút doanh nghiệp đầu tư như: Trồng, chế biến Mắc ca, chăn nuôi bò sữa, trồng, chế biến lúa gạo, cà phê, chè, cây ăn quả (Sơn tra, dứa, chanh leo, nhãn, xoài, bưởi, cam,...), chăn nuôi đại gia súc: Trâu, bò, dê,...

- Đề xuất Trung ương và Tỉnh ưu tiên dành một khoản kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; kịp thời hỗ trợ đối với những doanh nghiệp nông nghiệp đủ điều kiện để bổ sung nguồn lực đầu tư cho doanh nghiệp.

7. Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến nông; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật ngành nông nghiệp

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ mới, công nghệ sinh học, quy trình tiên tiến vào sản xuất, bảo quản, chế biến, gắn với phát triển liên kết vùng; hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ. Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và bảo quản, chế biến nông sản; tăng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, mô hình chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sản xuất gạo, cà phê, chè, rau sạch, nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc ứng dụng trên các lĩnh vực của ngành. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở, đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa khoa học công nghệ với nông dân.

- Đẩy mạnh thông tin khoa học - kỹ thuật - thương mại để hỗ trợ các thành phần kinh tế về khoa học, công nghệ, thị trường, định hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng nâng cao kiến thức, đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là kỹ năng thực hành, ứng dụng, vận hành các sản phẩm khoa học công nghệ vào các hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến,... các sản phẩm nông nghiệp có giá trị, có lợi thế cạnh tranh; tăng cường chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn, thu hút nguồn lao động có tay nghề, trình độ cao tham gia

vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác; đội ngũ nhà quản lý, cán bộ vận hành Chương trình OCOP từ tỉnh đến xã.

8. Giải pháp về nguồn vốn

- Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của nhà nước với nguồn vốn xã hội hóa thông qua đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để thực hiện đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Thủy lợi nhỏ, kênh mương, đường giao thông nội đồng,... để đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động vay vốn từ các ngân hàng, Quỹ tín dụng, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ phát triển Hợp tác xã,...

- Chuyển vốn hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (20 tỷ/năm) sang thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp nâng cao giá trị hàng hóa gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chính sách hỗ trợ thú y trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thay thế Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh).

- Tập trung kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và huy động các nguồn lực trong dân, nguồn ODA,... để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (BCD Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp)

Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu kiến toàn Ban Chỉ đạo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tham mưu sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố và sở, ngành liên quan tham mưu triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020.

- Chủ trì tổ chức rà soát, đánh giá hệ thống cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung, ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xem xét cân đối bố trí kế hoạch vốn để thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh theo Kế hoạch này.

- Tiếp tục tham mưu cho Tỉnh cải thiện môi trường đầu tư; tăng cường kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu cơ chế, giải pháp khuyến khích, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm của Tỉnh đề tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung hệ thống cơ chế chính sách và bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo lại nghề bằng nhiều hình thức đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, gắn với giải quyết tốt việc làm cho lao động nông thôn, nhất là đối với lao động dôi dư trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, ứng dụng phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác tư vấn, đào tạo, tìm kiếm và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tham mưu triển khai các chính sách, chương trình, đề án, dự án nhằm hỗ trợ về công nghiệp chế biến; lưu thông hàng hóa; kiểm tra, kiểm soát thị trường, gian lận thương mại, xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường các hoạt động về xúc tiến quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông lâm nghiệp đặc sắc của tỉnh; hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển các tổ chức liên kết lưu thông hàng hóa nông, lâm, thủy sản; hình thành các kênh lưu thông hàng hóa ổn định từ sản xuất đến tiêu dùng.

- Phối hợp thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ nông thôn, cụm công nghiệp; đầu tư nâng cấp, mở rộng mạng lưới chợ; phát triển hệ thống lưới điện.

7. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 để chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu thực hiện tốt chính sách đất đai theo hướng tạo thuận lợi cho tích tụ, tập trung ruộng đất để thu hút doanh nghiệp, tổ chức đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và quản lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên (đất, nước, rừng,...); khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp, nông thôn.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của Hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; triển khai có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 (trong đó có chính sách trong nông nghiệp) đạt hiệu quả.

10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Tiếp tục hướng dẫn, xây dựng và phát triển các mô hình Hợp tác xã kiểu mới hoạt động gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hoá nông nghiệp quy mô lớn; chú ý xây dựng Hợp tác xã trở thành đầu mối chủ yếu ký kết hợp đồng tiêu thụ phần lớn nông sản cho nông dân và cung ứng vật tư quan trọng cho sản xuất nông nghiệp; là đầu mối liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Rà soát, hướng dẫn sắp xếp lại các Hợp tác xã, dịch vụ nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Hướng dẫn, hỗ trợ, vận động các Hợp tác xã tham gia vào các chuỗi cung ứng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản an toàn.

11. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên về sự cần thiết, tầm quan trọng và nội dung của Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tập trung hướng dẫn người nông dân chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng và triển khai các dự án mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả gắn với xóa đói giảm nghèo, tạo vốn vay cho nông dân,... Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương hướng dẫn, hỗ trợ người dân sản xuất nông

ng nghiệp theo hướng phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế của tỉnh, của địa phương. Vận động nông dân phát huy vai trò chủ thể, huy động nội lực từ nông dân với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

12. Ngân hàng Nhà nước tỉnh Điện Biên

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn; nghiên cứu đề xuất bổ sung các chính sách phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, quy mô lớn, hiện đại.

13. Cục Thống kê tỉnh

Thực hiện tốt công tác thống kê các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác, khách quan; phân tích đánh giá chuyển dịch cơ cấu sản xuất, các chỉ tiêu giá trị, nhất là giá trị gia tăng các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu và toàn ngành nông nghiệp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp ở các địa phương và toàn tỉnh.

14. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ và các cơ quan thông tin truyền thông: Tích cực thông tin, tuyên truyền các nội dung và các mô hình, điển hình, cách làm mới hiệu quả cao về cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh.

15. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Đoàn thể tỉnh

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ động phối kết hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội đối với việc tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch.

16. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng và giải pháp của Tỉnh, có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn cấp huyện. Các chỉ tiêu cụ thể thấp nhất phải bằng hoặc vượt các chỉ tiêu được giao cho các địa phương tại các biểu kèm theo Kế hoạch này. Thời gian hoàn thành trước ngày 30/10/2018 và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Duy trì hoạt động của các mô hình hiện có; tăng cường kêu gọi, thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào đầu tư, tham gia liên kết phát triển các sản phẩm lợi thế của địa phương theo mô hình liên kết bền vững. Quán triệt, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, dự án, Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn rà soát các sản phẩm là thế mạnh của địa phương để báo cáo UBND cấp huyện ưu tiên chỉ đạo triển khai thực hiện, đồng thời tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi.

- Rà soát, đánh giá, xây dựng và triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn. Vận động nhân dân đầu tư thực hiện các mô hình, dự án về phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản.

17. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ được phân công cụ thể theo bản danh mục kèm theo kế hoạch này bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tổng hợp đánh giá tiến độ và tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT).

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch, các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan liên quan chủ động đề nghị và phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực) để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /*lul*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành (thuộc tỉnh);
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Điện Biên Phủ;
- Cổng thông tin điện tử VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTN_(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lô Văn Tiên



BẢNG 01
MỤC TIÊU CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2982 /KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

| TT | Chỉ tiêu | Kết quả năm 2017 | Mục tiêu đến năm 2020 | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|-----------------------|--------------------------------------|
| I | Các chỉ tiêu chung | | | |
| 1 | Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp lâm thủy sản | 3,23% | Bình quân 3,67%/năm | Trung bình 2015-2017 |
| 2 | Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản bình quân | 5,6%/năm | 6%/năm | Trung bình 2016-2017 |
| 3 | Tỷ lệ qua đào tạo nghề cho lao động nông thôn | 28,2% | 34,3% | |
| 4 | Phân đầu thành lập mới 80 Hợp tác xã theo mục tiêu tại Quyết định 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ NN | 96 HTX | 176 HTX | Phân đầu theo mục tiêu cấp trên giao |
| 5 | Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | 77,82% | Trên 82% | |
| 6 | Số xã đạt và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới | 16 xã | 37 xã | Không còn xã dưới 5 tiêu chí |
| 7 | 01 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu | | 01 xã | |
| 8 | Phân đầu thu hút được từ 3-5 doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh | 15 doanh nghiệp | 18-20 doanh nghiệp | Tính đến tháng 6/2018 |
| 9 | Tỷ lệ che phủ rừng | 39,01% | 42% | |
| II | Các lĩnh vực cụ thể | | | |
| 1 | Tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt | 2,4% | Đạt từ 3%/năm | |
| 2 | Tốc độ tăng thu nhập trên 01 ha đất trồng trọt | 3% | Đạt từ 4%/năm | |
| 3 | Tốc độ tăng giá trị sản xuất chăn nuôi | 4% | Đạt từ 5%/năm | |
| 4 | Tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất chăn nuôi | 4% | Đạt từ 5%/năm | |
| 5 | Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản | 5% | Đạt từ 6%/năm | |
| 6 | Tốc độ tăng thu nhập từ sản xuất thủy sản | 4% | Đạt từ 5%/năm | |
| 7 | Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông lâm thủy sản | 3,6% | Đạt từ 4%/năm | |
| 8 | Chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn được xác nhận | 11 chuỗi | 14-17 chuỗi | 1-2 chuỗi/năm |

* Các chỉ tiêu khác của tỉnh phân đầu đảm bảo theo Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

BẢNG 02
CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐỀN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 282/KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

| TT | Nội dung/nhiệm vụ | Cơ quan/ đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện |
|----|--|-----------------------------------|--|------------------------------|
| 1 | Hoàn thiện dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý IV/2018 |
| 2 | Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch số 2203/KH-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai thực hiện cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2021, định hướng đến năm 2026 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý I/2019 |
| 3 | Rà soát, điều chỉnh Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về Kế hoạch xây dựng và phát triển các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2020 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Y tế, Sở Công thương; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý I/2019 |
| 4 | Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, thủy sản của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý I/2019 |
| 5 | Chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trọng điểm đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Y tế, Sở Công thương; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2019-2020 |
| 6 | Đánh giá kết quả thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn thời gian qua và xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 phù hợp với thực tiễn và Kế hoạch của tỉnh | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các sở, ngành liên quan | Năm 2018 (đã thực hiện) |
| 7 | Xây dựng danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý IV/2018 |
| 8 | Phát hiện, đánh giá các mô hình sản xuất trên địa bàn; đề xuất chính sách nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các sở, ngành liên quan | Hàng năm |
| 9 | Xây dựng kế hoạch và giải pháp phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương | UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các sở, ngành liên quan | Năm 2019 |
| 10 | Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm | Sở Nông | Sở Tư pháp; các sở, | Quý |

| | | | | |
|----|--|---|--|------------|
| | ngành nâng cao giá trị hàng hóa gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chính sách hỗ trợ thú y trên địa bàn tỉnh Điện Biên (thay thế Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh) | ngành và PTNT | ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | I/2019 |
| 11 | Rà soát, sắp xếp đổi mới các Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã năm 2012 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh | Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2019 |
| 12 | Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hàng năm |
| 13 | Xây dựng hoàn thiện và phê duyệt Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Quý I/2019 |
| 14 | Tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 01/6/2018; Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh | UBND các xã, huyện được giao chủ đầu tư | Các sở, ngành, đơn vị, liên quan | 2018-2020 |
| 15 | Xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hàng năm |
| 16 | Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Điện Biên đến năm 2020 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ngành, các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2020 |

Bảng 03. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LÚA CHẤT LƯỢNG CAO, VÙNG NGÔ HÀNG HÓA VÀ RAU AN TOÀN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 2982/KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

1. Xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao (IR64, BT7) gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

| TT | Huyện | ĐVT | Năm | | | | | |
|----|-------------------|-----|------------|------------|------------|--------------|--------------|--------------|
| | | | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế |
| 1 | Huyện Điện Biên | Ha | 500 | 500 | 500 | 1.000 | 800 | 1.800 |
| 2 | Huyện Mường Ảng | Ha | 50 | 50 | 50 | 100 | 150 | 250 |
| 3 | Huyện Tuần Giáo | Ha | 50 | 50 | 50 | 100 | 150 | 250 |
| 4 | TP. Điện Biên Phủ | Ha | 50 | 50 | 50 | 100 | 100 | 200 |
| | Cộng | | 650 | 650 | 650 | 1.300 | 1.200 | 2.500 |

2. Xây dựng vùng sản xuất ngô hàng hóa hướng đến ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới

| TT | Huyện | ĐVT | Năm | | | | | |
|----|-----------------|-----|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | | | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế |
| 1 | Huyện Điện Biên | Ha | 500 | 500 | 500 | 1.000 | 500 | 1.500 |
| 2 | Huyện Tuần Giáo | Ha | 800 | 800 | 1.000 | 1.800 | 1.200 | 3.000 |
| 3 | Huyện Tủa Chùa | Ha | 600 | 600 | 700 | 1.300 | 700 | 2.000 |
| 4 | Điện Biên Đông | Ha | 600 | 600 | 800 | 1.400 | 1.100 | 2.500 |
| | Cộng | | 2.500 | 2.500 | 3.000 | 5.500 | 3.500 | 9.000 |

3. Phát triển vùng rau

3.1. Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao

| TT | Huyện | ĐVT | Năm | | | | | |
|----|-------------------|-----|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế |
| 1 | Huyện Điện Biên | Ha | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 1,5 | 2,0 | 3,5 |
| 2 | TP. Điện Biên Phủ | Ha | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,0 | 0,5 | 1,5 |
| | Cộng | | 1,0 | 1,0 | 1,5 | 2,5 | 2,5 | 5,0 |

3.2. Xây dựng các vùng rau chuyên canh, rau an toàn

| TT | Huyện | ĐVT | Năm | | | | | |
|----|-------------------|-----|-----------|-----------|------------|------------|------------|------------|
| | | | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
| | | | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế | Trồng mới | Lũy kế |
| 1 | Huyện Điện Biên | Ha | 50 | 50 | 80 | 130 | 100 | 230 |
| 2 | Huyện Tuần Giáo | Ha | 10 | 10 | 20 | 30 | 30 | 60 |
| 3 | TP. Điện Biên Phủ | Ha | 2 | 2 | 3 | 5 | 5 | 10 |
| | Cộng | | 62 | 62 | 103 | 165 | 135 | 300 |

Bảng 04. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ LIÊN DOANH, LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC HỘ DÂN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 2982/KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

| TT | Huyện | ĐVT | Năm | | | | | | | | |
|----|-----------------|-----|-----------|--------------------|-----------|-----------|--------------------|------------|-----------|--------------------|--------------|
| | | | Năm 2018 | | | Năm 2019 | | | Năm 2020 | | |
| | | | Trồng mới | Diện tích đã trồng | Tổng | Trồng mới | Diện tích đã trồng | Lũy kế | Trồng mới | Diện tích đã trồng | Lũy kế |
| 1 | Huyện Mường Ảng | Ha | 30 | 40 | 70 | 30 | 500 | 600 | 60 | 1.000 | 1.660 |
| 2 | Huyện Tuần Giáo | Ha | 10 | | 10 | | 100 | 110 | 30 | 200 | 340 |
| | Cộng | | 40 | 40 | 80 | 30 | 600 | 710 | 90 | | 2.000 |

Bảng 05. Danh mục các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 2982/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

| STT | Tên dự án | Mục tiêu yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----|---|--|--|--------------------------------|--|---------------------|--------------------------------|----------------|
| 1 | Huyện Điện Biên | | | | | | | |
| 1 | Liên kết sản xuất trong sản xuất lúa gạo chất lượng cao | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân; đưa thương hiệu gạo Điện Biên đi các tỉnh thành cả nước và xuất khẩu | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và HTX; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và chế biến. | Người dân và HTX | 2 xã: Thanh Yên; Thanh Hưng | 2018 - 2020 | UBND các xã | Dự án nâng cấp |
| 2 | Liên kết trong trồng và tiêu thụ quả vú sữa | Nâng cao thu nhập cho người dân; nâng cao chất lượng giống quả vú sữa xã Thanh Hưng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và HTX; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và chế biến. | Người dân và HTX | Xã Thanh Hưng | 2018 - 2020 | UBND xã Thanh Hưng | Dự án mới |
| 3 | Liên kết sản xuất trong trồng và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm. | Người dân và HTX | Các xã: Noong Luông; Thanh Yên; Póm Lót; Thanh Xương | 2018 - 2020 | UBND huyện Điện Biên | Dự án mới |
| 4 | Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của Công ty TNHH thực phẩm Safe Green | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm. | Người dân và doanh nghiệp | Đội 5 xã Thanh An | 2018 - 2019 | UBND huyện Điện Biên | Dự án nâng cấp |
| 5 | Liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (Nhãn, Dứa da xanh, Xoài Đài loan, Thanh Long) | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô tập trung, đưa những giống cây phù hợp với điều kiện tự nhiên, có giá trị kinh tế vào sản xuất nhằm nâng cao và ổn định thu nhập cho người dân; tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và doanh nghiệp trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm | Người dân, doanh nghiệp và HTX | Các xã trên địa bàn huyện | 2018 - 2020 | UBND các xã trên địa bàn huyện | Dự án mới |

| STT | Tên dự án | Mục tiêu/ yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----|--|--|---|---|---|---------------------|--------------------------------|-----------|
| 6 | Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong chăn nuôi gia súc | Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô tập trung, phát huy lợi thế của vùng với điều kiện tự nhiên, chăn nuôi gia súc có giá trị kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; sản xuất nhằm nâng cao và ổn định thu nhập cho người dân; giảm nghèo bền vững và tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và doanh nghiệp trong chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm | Người dân, doanh nghiệp và HTX | Các xã trên địa bàn huyện | 2019 - 2020 | UBND các xã trên địa bàn huyện | Dự án mới |
| 7 | Liên kết trong trồng và tiêu thụ quả Vú sữa | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân; nâng cao chất lượng giống quả Vú sữa xã Thanh Hưng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và HTX; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và chế biến. | Người dân và HTX, doanh nghiệp | Xã Thanh Lương | 2018 - 2020 | UBND xã Thanh Lương | Dự án mới |
| 8 | Liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn xã Noong Luông | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm. | Người dân và HTX, doanh nghiệp | Xã Noong Luông (không bao gồm diện tích tham gia dự án do huyện làm chủ đầu tư) | 2018 - 2020 | UBND xã Noong Luông | Dự án mới |
| 9 | Liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn xã Thanh Xương | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm. | Người dân và HTX, doanh nghiệp | Xã Thanh Xương (không bao gồm diện tích tham gia dự án do huyện làm chủ đầu tư) | 2018 - 2020 | UBND xã Thanh Xương | Dự án mới |
| 10 | Liên kết sản xuất lúa gạo chất lượng cao | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân; đưa thương hiệu gạo Điện Biên đi các tỉnh thành cả nước và xuất khẩu | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và HTX; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và chế biến. | Người dân và HTX, doanh nghiệp | 12 xã vùng lòng chảo huyện Điện Biên (không bao gồm phạm vi thực hiện của các Dự án | 2018 - 2020 | UBND các xã | Dự án mới |
| 11 | Thành phố Điện Biên phủ | | | | | | | |
| 1 | Mô hình trồng rau theo hướng hữu cơ | Sản xuất các loại rau bản địa, vụ thế vùng, theo hướng hữu cơ an toàn có thương hiệu, nâng tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân tại địa bàn xã Tả Lèng | Các hộ gia đình tại các bản được tham gia mô hình liên kết sản xuất. Tập trung đầu mối trong chỉ đạo sản xuất, thu mua sản phẩm... Dự án hỗ trợ kỹ thuật, giống, phân bón, một phần cơ sở hạ tầng | Các hộ dân trong xã, các thành viên trong HTX nông nghiệp, dịch vụ, du lịch Tả Lèng | Xã Tả Lèng | 2018 - 2020 | UBND xã Tả Lèng | Dự án mới |

| STT | Tên dự án | Mục tiêu/ yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|---------------------------|--|--|---|---|--|---------------------|------------------------------|-----------|
| 2 | Dự án cán rô phi đơn (tính, mè, chép, thà cá hỗn hợp, khai thác hiệu quả các tầng nước và gia tăng dịch vụ câu cá giải trí, dịch vụ ăn uống, du lịch ẩm thực | Áp dụng các kỹ thuật chăn nuôi sinh học, an toàn. Giám chỉ phí đầu vào từ việc sử dụng hợp lý nguồn nước và chế biến thức ăn. Thà cá hỗn hợp, khai thác hiệu quả các tầng nước và gia tăng dịch vụ câu cá, giải trí, dịch vụ ăn uống, du lịch ẩm thực | Dự án hỗ trợ con giống, thức ăn, thuốc phòng dịch bệnh,... | Các hộ dân trong xã, các thành viên trong HTX nông nghiệp, dịch vụ, du lịch Thanh Minh và nông dân trên địa bàn | Xã Thanh Minh | 2018 - 2020 | UBND xã Thanh Minh | Dự án mới |
| 3 | Trồng, chế biến tiêu thụ (tinh dầu hương nhu và nước gà thả đối) | Các hộ nông dân trên địa bàn xã Tả Lềng thực hiện trồng các cây dược liệu tại các khu vực đất trống, dưới tán cây ăn quả, xen kẽ với diện tích trồng rau,... nhằm tăng hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Hình thành chuỗi liên kết sản xuất với vai trò đầu mối là các HTX | Dự án hỗ trợ kỹ thuật, giống cây dược liệu, trang thiết bị để phục vụ việc dung chiết dược liệu | Các hộ dân trong xã, các thành viên trong HTX nông nghiệp, dịch vụ, du lịch Tả Lềng | Xã Tả Lềng | 2018 - 2020 | UBND xã Tả Lềng | Dự án mới |
| 4 | Mô hình trồng các loại cây ăn quả: Bưởi da xanh, cam, quýt | Xác định những cây trồng là thế mạnh của địa phương, với mục tiêu giúp đồng bào cải thiện thu nhập và phát triển dịch vụ du lịch khác | Dự án hỗ trợ cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng thương hiệu | Các hộ dân trong xã, các thành viên trong HTX nông nghiệp, dịch vụ, du lịch Thanh Minh | Trên địa bàn 2 xã: Thanh Minh, Tả Lềng | 2018 - 2020 | UBND thành phố Điện Biên phủ | Dự án mới |
| III Huyện Tủa Chùa | | | | | | | | |
| i | Chuỗi liên kết sản xuất chè Tuyết San Tủa Chùa | Bảo tồn, phát huy thế mạnh địa phương trong phát triển các loại nông sản chủ lực; cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, năng cao giá trị sản phẩm; tăng thu nhập cho người dân địa phương | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chè Tuyết San Tủa Chùa | Các nhóm hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh | Các xã phía Bắc huyện Tủa Chùa | 2018 - 2020 | UBND huyện Tủa Chùa | Dự án mới |
| 2 | Chuỗi liên kết mới đổi với các sản phẩm đặc sản của địa phương (khoai sọ tím, Đậu đỏ) | Đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, năng cao giá trị sản phẩm; tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân địa phương | Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm | Các nhóm hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh | Các xã phía Bắc huyện Tủa Chùa | 2018 - 2020 | UBND huyện Tủa Chùa | Dự án mới |

| STT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|---------------------------------|--|---|--|---|--|---------------------|---|----------------|
| IV UBND Thị xã Mường Lay | | | | | | | | |
| 1 | Dự án phát triển sản phẩm Khẩu xén Mường Lay | Dẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp | Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm | Nhóm hộ gia đình, Hợp tác xã, doanh nghiệp | Xã Lay Nua | 2018 - 2019 | UBND xã Lay Nua | Dự án nâng cấp |
| 2 | Sản xuất, chế biến được liệu hạt chuỗi rừng | Cung cấp sản phẩm an toàn có chất lượng cao, tạo việc làm thu nhập cho người dân địa phương | Xây dựng chuỗi liên kết sản phẩm gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Hà Nội | Nhóm hộ gia đình, Hợp tác xã, doanh nghiệp | Xã Lay Nua | 2018-2020 | UBND xã Lay Nua | Dự án mới |
| V Huyện Tuần Giáo | | | | | | | | |
| 1 | Chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm dược liệu (Sơn nhám, thảo quả, Atiso) | Cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã: Tênh Phông, Tỏa Tinh, Phình Sáng | 2018 - 2020 | UBND các xã: Tênh Phông, Tỏa Tinh, Phình Sáng | Dự án mới |
| 2 | Chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm Táo mèo (cây sơn tra) | Cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã: Tênh Phông, Tỏa Tinh | 2018 - 2020 | UBND các xã: Tênh Phông, Tỏa Tinh | Dự án mới |
| 4 | Chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả (nhãn chín muộn, bưởi, xoài) | Cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã huyện Tuần Giáo | 2018 - 2020 | UBND các xã | Dự án mới |
| 5 | Chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm cây Mắc ca | Cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm | Hộ gia đình, Công ty Cổ phần Maccadia Điện Biên | Các xã: Quải Nua, Quải Cang, Pủ Nhung | 2018 - 2020 | UBND huyện Tuần Giáo | |
| 6 | Liên kết trồng và tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả (Lê, Táo) | Cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất trồng gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã: Tênh Phông, Tỏa Tinh | 2018-2020 | UBND huyện | Dự án mới |
| 7 | Liên kết trồng và tiêu thụ (cây có múi, nhãn chín sớm) | Cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất trồng gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã trên địa bàn huyện | 2018-2020 | UBND huyện | Dự án mới |

| STT | Tên dự án | Mục tiêu/ yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|----------------------------|--|---|--|---|---|---------------------|-------------------|-----------|
| 8 | Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong chăn nuôi gia súc | Cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm | Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất trồng gắn với tiêu thụ sản phẩm | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Các xã trên địa bàn huyện | 2018-2021 | UBND huyện | Dự án mới |
| VI Huyện Nậm Pồ | | | | | | | | |
| 1 | Trồng cây dược liệu | Các hộ nông dân trên địa bàn các xã: Chà Nua, Chà Cang, Chà Tờ, Nậm Khăn thực hiện trồng cây dược liệu dưới tán rừng nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập. Hình thành chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm | Dự án hỗ trợ giống, kỹ thuật, trang thiết bị để sản xuất và sơ chế, chế biến dược liệu | Các hộ dân tại các xã: Chà Nua, Chà Cang, Chà Tờ, Nậm Khăn; HTX dịch vụ nông nghiệp các xã Chà Nua, Chà Cang, Chà Tờ, Nậm Khăn (thành lập trong năm 2018) | Các xã: Chà Nua, Chà Cang, Chà Tờ, Nậm Khăn | 2019-2020 | UBND huyện Nậm Pồ | Dự án mới |
| 2 | Sản xuất rau an toàn | Sản xuất rau an toàn nhằm cung cấp thực phẩm an toàn cho các trường học, tiêu dùng tại chỗ, hạn chế nhập các loại rau không rõ nguồn gốc | Dự án hỗ trợ giống, kỹ thuật, trang thiết bị để sản xuất, đảm bảo thị trường tiêu thụ | Tập trung hỗ trợ cho người dân tại 3 xã: Nà Hỳ, Chà Cang, Nà Cồ Sa | 3 xã: Nà Hỳ, Chà Cang, Nà Cồ Sa | 2019-2020 | UBND huyện Nậm Pồ | Dự án mới |
| 3 | Sản xuất mật ong rừng | Tạo sản phẩm mật ong rừng chất lượng, có thương hiệu, đồng thời bảo vệ và phát triển rừng | Dự án hỗ trợ giống, kỹ thuật, trang thiết bị để sản xuất, đảm bảo thị trường tiêu thụ | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Xã Chà Nua | 2019-2020 | UBND huyện Nậm Pồ | Dự án mới |
| 4 | Sản xuất chè | Sản xuất sản phẩm chè đặc trưng của xã Pa Tần | Dự án hỗ trợ giống, kỹ thuật, trang thiết bị để sản xuất, đảm bảo thị trường tiêu thụ | Các hộ gia đình, doanh nghiệp, hộ kinh doanh | Xã Pa Tần | 2019-2020 | UBND huyện Nậm Pồ | Dự án mới |
| VII Huyện Mường Chà | | | | | | | | |
| 1 | Dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong chăn nuôi đại gia súc | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân trong chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và doanh nghiệp trong chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm | Người dân và doanh nghiệp | Tại các xã: Huổi Mí, Sá Tông, Sa Lông, Huổi Lèng, Ma Thi Hồ, Hừa Ngái, Mường Mươn, Nà Sang, Xưong Tông, Pa Ham, Nậm Nèn | 2018-2020 | UBND các xã | Dự án mới |

| STT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Nội dung | Đối tượng thực hiện | Phạm vi thực hiện | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|----------------------------------|--|---|---|-------------------------------|--|---------------------|----------------------|-----------|
| 2 | Dự án liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng mô hình cam xã đôi, bưởi diêm, xoài dài loan, bưởi da xanh | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Cung cấp các sản phẩm an toàn có chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập cho các bên tham gia và ổn định đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp | Người dân và doanh nghiệp | Tại các xã: Mường Mươn, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn | 2018-2020 | UBND các xã | Dự án mới |
| VIII Huyện Điện Biên Đông | | | | | | | | |
| 1 | Liên kết sản xuất lúa, gạo nếp thơm hạt to chất lượng cao | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân, phát triển thương hiệu gạo Nếp Điện Biên Đông | Tạo liên kết bền vững giữa người dân và HTX, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chế biến | Người dân và HTX | Xã Pù Hồng | 2019-2020 | UBND xã Pù Hồng | Dự án mới |
| 2 | Liên kết trồng và tiêu thụ khoai sọ sạch xã Phi Nhù | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm | Người dân và HTX | Xã Phi Nhù | 2019-2020 | UBND xã Phi Nhù | Dự án mới |
| 3 | Liên kết trồng và tiêu thụ bí đao sạch | Nâng cao thu nhập, ổn định thu nhập cho người dân | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm | Người dân và HTX | Xã Tia Đình | 2019-2020 | UBND xã Tia Đình | Dự án mới |
| IV Huyện Mường Ảng | | | | | | | | |
| 1 | Liên kết sản xuất trong trồng và tiêu thụ sản phẩm cà phê | Nâng cao thu nhập cho người trồng cà phê, có đầu ra ổn định, xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Mường Ảng | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm và áp dụng khoa học, kỹ thuật trong việc sản xuất và chế biến sản phẩm | Các hộ dân, doanh nghiệp, HTX | Các xã (thị trấn trên địa bàn huyện) | 2018-2020 | UBND huyện Mường Ảng | Dự án mới |
| 2 | Liên kết sản xuất trong trồng và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng mang lại giá trị kinh tế cao, tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm và áp dụng khoa học, kỹ thuật trong việc sản xuất và chế biến sản phẩm | Các hộ dân, doanh nghiệp, HTX | Các xã trên địa bàn huyện | 2018-2020 | UBND huyện Mường Ảng | Dự án mới |
| 3 | Dự án nuôi lợn rừng lai theo hướng an toàn thực phẩm | Cung cấp các sản phẩm an toàn, có chất lượng, nâng cao thu nhập cho các bên tham gia và ổn định đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp | Tạo liên kết bền vững giữa người dân, HTX trong tiêu thụ sản phẩm | Các hộ dân, doanh nghiệp, HTX | 02 xã Ảng Tô và Ảng Cang | 2018-2020 | UBND huyện Mường Ảng | Dự án mới |

**BẢNG 06. DỰ KIẾN QUY HOẠCH SẢN PHẨM OCOP GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020
CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 2912 /KH-UBND ngày 4 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

| TT | Tên sản phẩm | Địa chỉ quy hoạch sản xuất | Chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh | Trong đó sản phẩm chủ lực | Thị trường tiêu thụ chủ yếu | Đơn vị chủ trì xây dựng và thực hiện dự án |
|----------|------------------------------|----------------------------------|--|---|---|--|
| 1 | Thực phẩm | | | | | |
| 1.1 | Gạo Điện Biên chất lượng cao | xã Thanh Yên, huyện Điện Biên | HTX nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Thanh Yên | Gạo tám chất lượng cao | Hà nội và các tỉnh lân cận, hướng tới xuất khẩu | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |
| 1.2 | Gạo Điện Biên | xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên | HTX nông nghiệp công nghệ cao bàn Mế | Gạo an toàn, gạo thơm theo tiêu chuẩn Vietgap, gạo hữu cơ | Hà nội và các tỉnh lân cận, hướng tới xuất khẩu | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |
| 1.3 | Miến dong | Xã Mường Phăng, Nà Nhạn, Nà Tấu | Cơ sở sản xuất Miến dong Lộc - Biên | Miến dong | Trong tỉnh Điện Biên, hà nội và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |
| 1.4 | Cam Mường Nhé | xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé | các hộ dân | Cam tươi | huyện Mường Nhé, TP Điện Biên Phủ, hướng tới thị trường các tỉnh phía bắc | Ban Điều hành OCOP huyện Mường Nhé |
| 1.5 | Dứa Na Sang | Xã Na Sang, huyện Mường Chà | HTX dứa xã Na Sang | Dứa tươi | Trong tỉnh Điện Biên và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP huyện Mường Chà |
| 1.6 | Vú sữa Thanh Hưng | xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên | Các hộ dân trong xã | Quả vú sữa | Trong tỉnh Điện Biên và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |
| 1.7 | Khoai sọ Phi Nhù | xã Phi Nhù, huyện Điện Biên Đông | HTT trồng trọt xã Phi Nhù | Khoai sọ thương phẩm | Trong tỉnh Điện Biên và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên Đông |
| 1.8 | Thịt khô | Phường Hìn Lam, TP Điện Biên Phủ | Cơ sở sản xuất thịt khô Không Minh Tuấn | Thịt trâu, bò, lợn sấy khô | Hà Nội và các tỉnh | Ban Điều hành OCOP TP Điện Biên Phủ |
| 1.9 | Mật ong Sam Mứn | xã Sam Mứn, huyện Điện Biên | HTX Lâm Ong | Mật ong, phấn hoa | Hà Nội và các tỉnh | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |

| TT | Tên sản phẩm | Địa chỉ quy hoạch sản xuất | Chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh | Trong đó sản phẩm chủ lực | Thị trường tiêu thụ chủ yếu | Đơn vị chủ trì xây dựng và thực hiện dự án |
|------|--------------------------------|--------------------------------|--|--|--|--|
| 1.10 | Cà nước lạnh Tênh Phông | Xã Tênh Phông, huyện Tuần Giáo | DN tư nhân Sơn Hạnh | Cà Hôi, cá Tầm tươi sống | Trong tỉnh Điện Biên, Hà Nội và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP huyện Tuần Giáo |
| 1.11 | Bánh Khẩu xén thị xã Mường Lay | Thị xã Mường Lay | Cơ sở sản xuất bánh Khẩu Sến bán Bắc 2 | Bánh khẩu sến bột sắn, bột gạo, bột nếp | Trong tỉnh Điện Biên, Hà Nội và một số tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP Thị xã Mường Lay |
| 1.12 | Đê Tùa Chùa | Huyện Tùa Chùa | Các HTX, THT tại các xã | Thịt dê | Trong tỉnh Điện Biên, Hà Nội, Ninh bình và các tỉnh lân cận | Ban điều hành OCOP huyện Tùa Chùa |
| 2 | Đồ uống | | | | | |
| 2.1 | Cà phê bột Abarica | huyện Mường Ảng | Công ty TNHH Hải An | Cà phê hạt, bột cà phê, cà phê túi lọc | Trong tỉnh Điện Biên, Hà Nội và một số tỉnh, hướng tới xuất khẩu | Ban Điều hành OCOP huyện Mường Ảng |
| 2.2 | Chè Tuyết Shan | huyện Tùa Chùa | Công ty cổ phần giống nông nghiệp tỉnh Điện Biên | Chè khô | Trong tỉnh Điện Biên, Hà Nội và một số tỉnh, hướng tới xuất khẩu | Ban Điều hành OCOP huyện Tùa Chùa |
| 2.3 | Chè cây cao Pa Tần | xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ | Hợp tác xã Nông nghiệp Pa Tần | Chè khô | Trong tỉnh và hướng tới thị trường các tỉnh phía bắc | Ban Điều hành OCOP huyện Nậm Pồ |
| 2.4 | Rượu Mông Pê Tùa Chùa | xã Sín Chải, huyện Tùa Chùa | Cơ sở sản xuất Rượu Mông Pê | Rượu Mông Pê | Trong tỉnh và hướng tới thị trường các tỉnh phía bắc | Ban Điều hành OCOP huyện Tùa Chùa |
| 2.5 | Rượu men | | Công ty TNHH Loan Nhệ | Rượu đơn men, rượu pha chế | Trong tỉnh, Hà Nội và các tỉnh lân cận | Ban Điều hành OCOP TP Điện Biên Phủ |
| 3 | Thảo dược | | | | | |
| 3.1 | Tào Xoắn | | Cơ sở sản xuất Tào xoắn Nguyễn Đức Lợi | Tào xoắn tươi, khô, nước uống sản xuất từ tào xoắn | Hà Nội và các tỉnh | Ban Điều hành OCOP huyện Mường Ảng |

| TT | Tên sản phẩm | Địa chỉ quy hoạch sản xuất | Chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh | Trong đó sản phẩm chủ lực | Thị trường tiêu thụ chủ yếu | Đơn vị chủ trì xây dựng và thực hiện dự án |
|-----|------------------------------------|--|--|--|--|--|
| 3.2 | Đồng trùng hạ thảo | | Công ty TNHH Loan Nhẹ | Đồng trùng hạ thảo tươi, khô, rượu đồng trùng hạ thảo, đồng trùng hạ thảo ngâm mật ong | Hà Nội và các tỉnh | Ban Điều hành OCOP TP Điện Biên Phủ |
| 3.3 | Thuốc nam | xã Sa Lông và các xã trong huyện Mường Chà | hộ dân | Bài thuốc chữa đau dạ dày, đau xương... | Trong tỉnh và hướng tới thị trường các tỉnh phía bắc | Ban Điều hành OCOP huyện Mường Chà |
| 4 | Vải và may mặc | | | | | |
| 4.1 | Đệt thổ cẩm Lào | xã Núa Ngam, huyện Điện Biên | Hợp tác xã Thổ cẩm Na Sang | | Hà Nội và các tỉnh | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |
| 5 | Lưu niệm - nội thất - trang trí | | | | | |
| 5.1 | Mây tre đan dân tộc Thái Điện Biên | xã Nà Tấu, huyện Điện Biên | HTX mây tre đan Nà Tấu | Bàn, ghế mây, công dụng cụ sinh hoạt | Trong tỉnh và Hà Nội | Ban Điều hành OCOP huyện Điện Biên |

Bảng 07. DIỆN TÍCH, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢNH ĐỒNG LỚN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 2982 /KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

| STT | Huyện | Năm 2018 | | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
|------------|-------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
| | | Diện tích (ha) | Số hộ | Diện tích (ha) | Số hộ | Diện tích (ha) | Số hộ |
| I | Cây lúa | 305 | 2.604 | 400 | 3.453 | 465 | 3.853 |
| 1 | Huyện Điện Biên | 70 | 400 | 100 | 500 | 150 | 750 |
| 2 | Huyện Mường Ảng | 70 | 404 | 90 | 627 | 90 | 627 |
| 3 | Thành phố Điện Biên phủ | 45 | 300 | 60 | 450 | 75 | 600 |
| 4 | Huyện Tuần Giáo | 60 | 750 | 75 | 938 | 75 | 938 |
| 5 | Huyện Tủa Chùa | 60 | 750 | 75 | 938 | 75 | 938 |
| II | Cây ngô | 495 | 1.490 | 605 | 1.810 | 920 | 2.440 |
| 1 | Huyện Điện Biên | 200 | 800 | 250 | 1.000 | 250 | 1.000 |
| 2 | Huyện Tuần Giáo | 195 | 390 | 255 | 510 | 570 | 1.140 |
| 3 | Huyện Tủa Chùa | 100 | 300 | 100 | 300 | 100 | 300 |
| III | Cây rau màu | 45 | 450 | 65 | 650 | 100 | 1.000 |
| 1 | Huyện Điện Biên | 20 | 200 | 30 | 300 | 60 | 600 |
| 2 | Thành phố Điện Biên phủ | 10 | 100 | 20 | 200 | 25 | 250 |
| 3 | Huyện Tuần Giáo | 15 | 150 | 15 | 150 | 15 | 150 |
| IV | Cây cà phê | 250 | 289 | 370 | 426 | 465 | 533 |
| | Huyện Mường Ảng | 250 | 289 | 370 | 426 | 465 | 533 |
| V | Cây chè | 30 | 150 | 30 | 150 | 30 | 150 |
| | Huyện Tủa Chùa | 30 | 150 | 30 | 150 | 30 | 150 |
| VI | Cây keo | 510 | 895 | 710 | 1.110 | 810 | 1.260 |
| | Huyện Mường Ảng | 510 | 895 | 710 | 1.110 | 810 | 1.260 |
| | Cộng | 1.385 | 5.589 | 1.810 | 7.173 | 2.325 | 8.703 |